TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/DS-ST
Ngày 28-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Nam

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1258/2024/TLST-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2025/QĐST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Công ty cổ phần M1.

Trụ sở: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0110467848, đăng ký lần đầu ngày 31/8/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 14/8/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quốc Đ - Giám đốc xử lý nợ V (theo văn bản ủy quyền số 1148/2024/UQ-GĐ, ngày 01/8/2024).

Người được ủy quyền lại: Ông Ngô Nhựt L - Chuyên viên xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền số 1506/2024/UQ-MARS.VPB, ngày 28/10/2024). (Có mặt)

1.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (V2).

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100233583, đăng ký lần đầu ngày 08/9/1993, đăng ký thay dổi lần thứ 41 ngày 27/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T1 - Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (theo văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024).

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Dương K- Chuyên viên xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền số 13287/2024/UQ-VPB, ngày 28/10/2024). (Vắng mặt, có đơn xin vắng)

2. Bị đơn: 2.1. Ông Trương Văn T2, sinh năm 1983

Cư trú: Số E, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: Số E, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2.2. Bà Phạm Thị Cẩm T3, sinh năm 1983

Cư trú: Số E, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952. (Vắng mặt)

3.2. Ông Trương Hùng H, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Số E, tổ B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 do ông Trần Dương K là đại diện theo ủy quyền và Công ty cổ phần M1 do ông Ngô Nhựt L là đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (Ngân hàng) có cho ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 vay tiền nhiều lần, theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN210118298502, ngày 22/01/2021: Ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 vay của Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; lãi suất: 8,49%/năm và lãi suất này được điều chỉnh 01 tháng/lần kể từ ngày 23/7/2021; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh sản suất và bán lươn giống; phương thức thanh toán: vốn trả cuối kỳ, lãi trả vào ngày 15 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay này và các khoản vay khác phát sinh trong tương lai thì ông T2 đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là bất động sản sau:

Quyền sử dụng đất diện tích 274,4m^2, thửa số 175, tờ bản đồ 41, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS15259 do Sở T4 cấp ngày 22/4/2020 mang tên ông Trương Văn T2.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/01/2021, hợp đồng được Phòng C chứng nhận, số công chứng 225, ngày 22/01/2021 và được Văn phòng Đ1 chi nhánh L1 xác nhận đăng ký thế chấp ngày 22/01/2021.

2. Hợp đồng vay số LD21319002660, ngày 15/11/2021: Ông Trương Văn T2 vay của Ngân hàng (trên kênh V2) số tiền 89.000.000 đồng, lãi suất 22%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay là 04 năm; mục đích vay là để phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm; phương thức giải ngân vào tài khoản của ông T2 mở tại Ngân hàng; vốn và lãi thanh toán theo định kỳ vào ngày 15 hàng tháng.

3. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 01/3/2021: Ông Trương Văn T2 đề nghị vay từng lần số tiền 78.000.000 đồng, sau khi xem xét thì Ngân hàng đã thống nhất cho vay và giải ngân số tiền vay vào tài khoản của ông T2 mở tại Ngân hàng. Quá trình vay, ông T2 đã sử dụng số tiền 58.000.000 đồng, đối với hợp đồng này thì các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 21%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay là 36 tháng; mục đích vay tiêu dùng.

4. Hợp đồng vay số LD2218800317, ngày 07/7/2022: Ông Trương Văn T2 vay của Ngân hàng (trên kênh V2) số tiền 28.000.000 đồng, lãi suất 22%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay là 03 năm; mục đích vay là để phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm; phương thức giải ngân vào tài khoản của ông T2 mở tại Ngân hàng; vốn và lãi thanh toán theo định kỳ vào ngày 15 hàng tháng.

5. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 23/01/2021: Ông Trương Văn T2 đề nghị cấp hạn mức tín dụng thẻ với số tiền 20.000.000 đồng và được Ngân hàng đồng ý, quá trình vay thì ông T2 được nâng hạn mức lên 25.000.000 đồng và số tiền vay này cũng được Ngân hàng giải ngân vào tài khoản thẻ của ông T2 mở tại Ngân hàng. Các bên thỏa thuận lãi suất là 39,48%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 60 tháng.

Quá trình thực hiện, do ông T2 và bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký như nêu trên, nên từ ngày 27/01/2023 toàn bộ các khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Ngày 30/5/2024, Ngân hàng đã đồng ý bán và Công ty cổ phần M1 (M1) đã đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng/hợp đồng cho vay ký giữa Ngân hàng với ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3, cụ thể như sau: 90% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101183298502 ngày 22/01/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/3/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/7/2022 và 100% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 23/01/2021. Vì vậy, M sẽ kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng trên và các biện pháp bảo đảm kèm theo.

Do ông T2 và bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký, nên Ngân hàng và M khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 có trách nhiệm trả cho M và Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 28/3/2025 là 833.828.076 đồng, trong đó: vốn 538.137.878 đồng, lãi 295.690.198 đồng, gồm: trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 755.557.121 đồng, trong đó: vốn 486.770.298 đồng, lãi 268.786.823 đồng và trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền 78.270.955 đồng, trong đó: vốn 51.367.580 đồng, lãi 26.903.375 đồng.

Yêu cầu ông T2 và bà T3 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký cho đến khi ông T2 và bà T3 thanh toán hết nợ cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng (tương ứng với số tiền còn phải thanh toán cho M và Ngân hàng). Trường hợp ông T2 và bà T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ thì Công ty M1 và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M và Ngân hàng.

Công ty M1 và Ngân hàng xác định trong vụ án này chỉ tranh chấp với ông T2 và bà T3, không tranh chấp hay yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác có liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng mua bán nợ giữa các bên.

Về hiện trạng tài sản thế chấp Ngân hàng và Công ty M1 thống nhất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/12/2024 do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thực hiện trong quá trình tố tụng.

Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Công ty M1 và Ngân hàng yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 thống nhất trình bày:

Ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 là vợ chồng, ông bà có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần V1 nhiều lần theo các hợp đồng tín

dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng như phía Ngân hàng và M đã trình bày, ông bà thống nhất những nội dung về số tiền vay, lãi suất, thời gian vay,…đã thỏa thuận trong các hợp đồng như nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay thì ông T2 có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 274,4m^2, thửa số 175, tờ bản đồ 41, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS15259 do Sở T4 cấp ngày 22/4/2020 cho ông Trương Văn T2 (nguồn gốc quyền sử dụng đất này là do ông T2 nhận thừa kế). Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/01/2021, hợp đồng được Phòng C chứng nhận, số công chứng 225, ngày 22/01/2021 và được Văn phòng Đ1 chi nhánh L1 xác nhận đăng ký thế chấp ngày 22/01/2021.

Quá trình vay, do việc kinh doanh thất bại nên ông T2, bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như phía nguyên đơn trình bày.

Đối với việc mua bán, chuyển nhượng nợ giữa Ngân hàng và Công ty cổ phần M1 thì ông T2, bà T3 không có ý kiến, không tranh chấp.

Nay, đối với yêu cầu của Ngân hàng và Công ty M1 thì ông T2, bà T3 thống nhất có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng và Công ty M1 tổng số tiền tính đến ngày 28/3/2025 là 833.828.076 đồng, trong đó: vốn 538.137.878 đồng, lãi 295.690.198 đồng, gồm: trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 755.557.121 đồng, trong đó: vốn 486.770.298 đồng, lãi 268.786.823 đồng và trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền 78.270.955 đồng, trong đó: vốn 51.367.580 đồng, lãi 26.903.375 đồng.

Ông T2, bà T3 đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 29/3/2025 trên số dư nợ còn phải thanh toán cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung mà các bên đã ký kết. Trong trường hợp ông, bà không khả năng thanh toán nợ thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/01/2021 để đảm bảo thi hành án.

Về hiện trạng tài sản thế chấp ông T2 và bà T3 thống nhất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/12/2024 do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thực hiện trong quá trình tố tụng, không ý kiến.

Về chi phí tố tụng: Ông T2, bà T3 tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng.

Về án phí: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, mặc dù được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và ông Trương Hùng H đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn hay ý kiến về những vấn đề khác có liên quan nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M1, cụ thể: Buộc ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng và M tổng số tiền tính đến ngày 28/3/2025 là 833.828.076 đồng, trong đó: vốn 538.137.878 đồng, lãi 295.690.198 đồng, gồm: trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 755.557.121 đồng, trong đó: vốn 486.770.298 đồng, lãi 268.786.823 đồng và trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền 78.270.955 đồng, trong đó: vốn 51.367.580 đồng, lãi 26.903.375 đồng.

Kể từ ngày 29/3/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng và M thì ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông T2 và bá T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/01/2021 được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng và M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với bị đơn ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3. Ông T2 và bà T3 cư trú tại số E, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 ủy quyền cho ông Trần Dương K (theo Văn bản ủy quyền số 13287/2024/UQ-VPB, ngày 28/10/202) và Công ty cổ phần M1 ủy quyền cho ông Ngô Nhựt L (theo Văn bản ủy quyền số 1506/2024/UQ-MARS.VPB, ngày 28/10/2024), là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ông K và ông L tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo nội dung văn bản ủy quyền.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và ông Trương Hùng H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 có ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP V1 để vay tiền theo các nội dung đã thỏa thuận như phía nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất trình bày như nêu trên.

[2.2] Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay thì ông Trương Văn T2 có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 274,4m^2, thửa số 175, tờ bản đồ 41, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS15259 do Sở T4 cấp ngày 22/4/2020 mang tên ông Trương Văn T2, cho Ngân hàng TMCP V1, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/01/2021, hợp đồng được Phòng C chứng nhận, số công chứng 225, ngày 22/01/2021 và được Văn phòng Đ1 chi nhánh L1 xác nhận đăng ký thế chấp ngày 22/01/2021. Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh A với ông Trương Văn T2.

[2.3] Quá trình giải quyết, bị đơn ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 đều thừa nhận ông, bà có vay tiền theo các hợp đồng tín dụng như phía Ngân hàng và M trình bày, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và M về việc yêu cầu ông, bà liên đới trách nhiệm trả số tiền vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 28/3/2025 833.828.076 đồng, trong đó: vốn 538.137.878 đồng, lãi 295.690.198 đồng, gồm: trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 755.557.121 đồng, trong đó: vốn 486.770.298 đồng, lãi 268.786.823 đồng và trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền 78.270.955 đồng, trong đó: vốn 51.367.580 đồng, lãi 26.903.375 đồng, thì ông T2 và bà T3 đồng ý. Ông, bà thống nhất trả lãi phát sinh trên số nợ còn phải thanh toán cho đến khi trả hết các khoản nợ, trường hợp ông bà không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì thống nhất phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng và M theo ỷ lệ mua bán giữa Ngân hàng và M.

[2.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và ông Trương Hùng H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến đối

với yêu cầu của nguyên đơn, không có ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Bà N và ông H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác, như vậy ông bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.5] Xét thấy, các hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng do ông T2 và bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên việc Ngân hàng và M khởi kiện yêu cầu như trên là có căn cứ.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/01/2021, thấy rằng hợp đồng có nội dung và hình thức được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm, được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L1 xác nhận, nên có căn cứ để chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày và thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1, về việc yêu cầu ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 số tiền tính đến ngày 28/3/2025 là 833.828.076 đồng, trong đó: vốn 538.137.878 đồng, lãi 295.690.198 đồng, gồm: trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 755.557.121 đồng, trong đó: vốn 486.770.298 đồng, lãi 268.786.823 đồng và trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền 78.270.955 đồng, trong đó: vốn 51.367.580 đồng, lãi 26.903.375 đồng.

Kể từ ngày 29/3/2025, ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng và M. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng và Mars theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 22/01/2021, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh A với ông Trương Văn T2 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông T2 và bà T3 cho Ngân hàng và M. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 274,4m^2, thửa số 175, tờ bản đồ 41, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS15259 do Sở T4 cấp ngày 22/4/2020 cho ông Trương Văn T2.

[2.6] Đối với, việc mua bán nợ giữa Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 theo hợp đồng chuyển nhượng số 05/2024/VPB-MARS, hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS, cùng ngày 30/5/2024. Thấy rằng, việc mua bán nợ là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật; hơn nữa, quá trình giải quyết các đương sự cũng không ý kiến hay tranh chấp vấn đề gì khác có liên quan đến việc mua bán nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng. Do Công ty cổ phần M1 đã tạm ứng chi phí này, nên ông T2 và bà T3 có trách nhiệm trả lại cho M số tiền 600.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M1 đối với ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3.

Buộc ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M1 số tiền tính đến ngày 28/3/2025 là 833.828.076 đồng (tám trăm ba mươi ba triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó: vốn 538.137.878 đồng, lãi 295.690.198 đồng, gồm: trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 755.557.121 đồng, trong đó: vốn 486.770.298 đồng, lãi 268.786.823 đồng và trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền 78.270.955 đồng, trong đó: vốn 51.367.580 đồng, lãi 26.903.375 đồng.

Kể từ ngày 29/3/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký (tương ứng với số tiền còn phải thanh toán cho Công ty M1 và Ngân hàng). Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng và Công ty M1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được nợ gốc và lãi thì Ngân hàng thương mại cổ phần V1 và Công ty cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 22/01/2021, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh A với ông Trương Văn T2 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông T2 và bà T3 cho Ngân hàng và Công ty M1. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 274,4m^2, thửa số 175, tờ bản đồ 41, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS15259 do Sở T4 cấp ngày 22/4/2020 cho ông Trương Văn T2.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng do Công ty cổ phần M1 đã nộp tạm ứng số tiền này, do đó ông T2 và bà T3 có trách nhiệm trả lại cho Công ty cổ phần M1 số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Ông Trương Văn T2 và bà Phạm Thị Cẩm T3 phải chịu 37.015.000 đồng (ba mươi bảy triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần V1 được nhận lại số tiền 1.788.000 đồng (một triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001854, ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty cổ phần M1 được nhận lại số tiền 15.647.000 đồng (mười lăm triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001852, ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hà Thị Chiền